

ỨNG DỤNG VĂN BẢN LỜI THOẠI CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM VÀO GIẢNG DẠY MÔN THỰC HÀNH BIÊN DỊCH VIỆT - HÀN

Nguyễn Thị Thu Hà

1. Mở đầu

Một năm sau khi Việt Nam và Hàn Quốc ký kết quan hệ ngoại giao chính thức vào năm 1992, chuyên ngành Hàn Quốc học trong trường đại học chính thức được mở đầu tiên ở Việt Nam tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội. Kể từ đó đến nay, quy mô đào tạo ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc liên tục chuyển mình và phát triển rộng mở trên cả nước, minh chứng là số các trường đại học, cao đẳng có chuyên ngành tiếng Hàn hoặc Hàn Quốc học hiện nay đã lên đến 40 trường ở cả ba miền Bắc, Trung và Nam¹. Quan sát khung chương trình đào tạo của các đơn vị này, hầu hết các trường đại học đào tạo tiếng Hàn đều xây dựng môn *Thực hành dịch (Hàn - Việt; Việt - Hàn)* là môn học bắt buộc. Không ngoại lệ, môn *Thực hành dịch Việt - Hàn* cũng là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc (NNHQ) của trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu (Đại học BRVT).

Để có được chất lượng giảng dạy tốt, bên cạnh chất lượng giảng viên thì nội dung và chất lượng tài liệu giảng dạy cũng là

¹ Về tình hình đào tạo tiếng Hàn và Hàn Quốc học ở các trường đại học của Việt Nam, Korea Foundation (10/2019) KF đã thống kê được 30 trường và Ahn Kyung Hwan thống kê được 32 trường đào tạo tiếng Hàn tại Việt Nam. Nhưng kết quả này có sai số, tổng hợp kết quả trùng lặp và kết quả sai khác giữa hai bảng kết quả này, chúng tôi thu được kết quả hiện Việt Nam có 40 trường đại học đang đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc hoặc Hàn Quốc học.

một trong những yếu tố rất quan trọng. Trường Đại học BRVT đã và đang sử dụng giáo trình *Luyện tập nâng cao năng lực dịch Hàn - Việt, Việt - Hàn* (2015). Nhận thấy nội dung của giáo trình có một số điểm hạn chế như chỉ sử dụng tư liệu văn bản giấy nên độ hấp dẫn, thu hút người học không cao bằng những tài liệu văn bản kết hợp yếu tố nghe nhìn như văn bản lời thoại phim truyền hình, quảng cáo, các chương trình tạp kỹ,... Bên cạnh đó, các nghiên cứu liên quan đến việc ứng dụng phim truyền hình và phim điện ảnh trong lĩnh vực đào tạo ngoại ngữ được quan tâm và cũng có khá nhiều công trình nghiên cứu như (Wang Il Boem, 2017); Yang Sa (2016); Hu Jing (2013), Jo Dong Ju (2018); Kim Yun Seon (2011). Tuy nhiên, hầu hết tất cả các nghiên cứu này đều ứng dụng phim ảnh vào giảng dạy tiếng Hàn ở môn nói, nghe - nói, từ vựng, nhưng lại thiếu vắng nghiên cứu ứng dụng vào *Môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn*. Đồng thời, theo kết quả khảo sát sơ bộ về nhu cầu muốn học *Môn biên dịch tiếng Việt - Hàn* qua văn bản lời thoại truyền hình của sinh viên qua 04 năm học trở lại đây tại chuyên ngành NNHQ, ĐH BRVT thì có tới 85,5% sinh viên có mong muốn học *Môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn* từ văn bản lời thoại chương trình truyền hình Hàn Quốc. Theo đó, từ ý tưởng kết hợp yếu tố hấp dẫn từ các chương trình nghe nhìn với việc thực hành biên dịch chủ yếu xử lý trên diễn ngôn văn bản, tác giả tiến hành nghiên cứu ứng dụng các clip truyền hình Việt Nam nhằm đề xuất phương án dạy *Môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn* trong chương trình đào tạo đại học.

Các nghiên cứu về cải tiến nguồn tài liệu giảng dạy và phương pháp giảng dạy *Môn Thực hành dịch Việt - Hàn* đã được triển khai nhiều trong nghiên cứu biên dịch Anh - Hàn, Pháp - Hàn, Nhật - Hàn, Trung - Hàn. Một cách tổng quan, có thể chia

các nghiên cứu này thành hai xu hướng chính, gồm một nhóm là các nghiên cứu cải tiến, biên soạn tài liệu, giáo trình dạy biên/phiên dịch; và nhóm còn lại là các nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy môn biên/phiên dịch. Ở hướng nghiên cứu sau, Jang Jeong Yun (2011:69-77) đã chia giờ học thành Bước trước dịch (Pre-translating) → Bước trong dịch (Translating) → Bước sau dịch (Post-translating) áp dụng mô hình "Học lý luận biên dịch → Thực hành biên dịch → Phân tích và đánh giá so sánh kết quả biên dịch của sinh viên và bản dịch mẫu → Chỉnh sửa". Jeong Hye Yeon (2015:45-65) đề xuất phương án phải tách chuyên ngành biên dịch và phiên dịch riêng biệt để đào tạo biên/phiên dịch trong trường đại học. Lê Đăng Hoan (2010:167-169) cho rằng để nâng cao chất lượng đào tạo biên/phiên dịch thì các trường đại học ở Việt Nam phải nâng cao chất lượng giảng viên và đẩy nhanh tiến độ giáo dục tiếng Hàn. Khác với các nghiên cứu vừa đề cập, bài tham luận này sẽ tiến hành nghiên cứu giảng dạy *Môn Biên dịch Việt - Hàn* tập trung ở khía cạnh (1) ứng dụng, đổi mới tài liệu và cụ thể là ứng dụng lời thoại truyền hình và (2) phương pháp giảng dạy, cụ thể là lập phương án giảng dạy *Môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn* với nội dung lời thoại truyền hình được lựa chọn.

2. Cơ sở lý luận

Việc nghiên cứu và thực hành ứng dụng các sản phẩm nghe nhìn như bản tin thời sự, phim truyền hình, âm nhạc,... vào giảng dạy ngoại ngữ có lịch sử lâu dài, nhưng nghiên cứu ứng dụng nguồn tư liệu đa dạng, hấp dẫn và mang tính thời sự này vào giảng dạy *Môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn* vẫn đang ở trong tình trạng sơ khai. Liên quan đến nghiên cứu cùng chủ đề, có thể kể đến nghiên cứu của Kim Jong Hee (2010). Nghiên cứu này đã đề xuất ứng dụng các chương trình tạp kỹ truyền hình Hàn Quốc vào giảng dạy *Môn Biên dịch Hàn - Nhật* và xây

dụng phương án giảng dạy tương ứng. Tuy nhiên, phương án giảng dạy đưa ra còn tồn tại một điểm hạn chế là chưa thể hiện rõ việc ứng dụng cơ sở lý luận biên dịch vào trong các bước của một giờ học. Do đó, song song với việc khắc phục điểm hạn chế này, bài nghiên cứu này sẽ áp dụng mô hình biên dịch của Nida² để thiết kế mô hình giảng dạy.

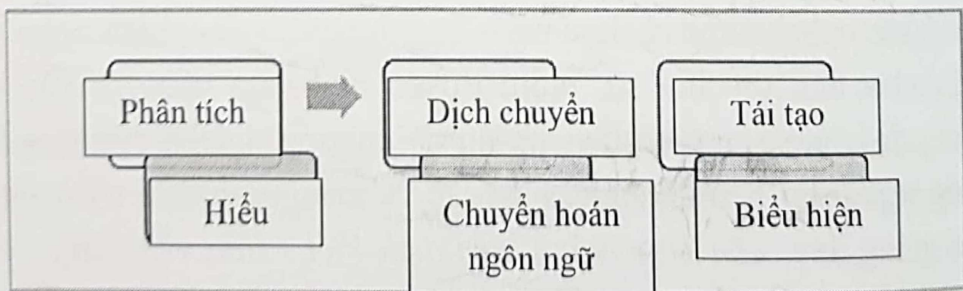
Bên cạnh đó, nghiên cứu của Lim Hyeong Jae, Song Eun Jeong (2015) đã khảo sát lý thuyết của Nida, có thể tóm lược kết quả khảo sát như sau. Quá trình triển khai biên dịch được chia thành ba giai đoạn như bảng 1, căn cứ vào các giai đoạn này, có thể phân loại nội dung giảng dạy thực hành biên dịch ngoại ngữ như sau.

Thứ nhất, năng lực hiểu và phân tích văn bản tiếng nước ngoài.

Thứ hai, năng lực chuyển nghĩa tiếng nước ngoài cần thiết khi chuyển sang tiếng mẹ đẻ.

Thứ ba, năng lực tái tạo văn bản và phát ngôn cần thiết để sáng tạo ngôn ngữ mẹ đẻ.

Bảng 1: Mô hình quá trình biên dịch của Nida



² Eugène A. Nida (1994 - 2011): nhà ngôn ngữ học đã phát triển thuyết Dynamic - equivalence Bible- translation và là một trong những người tạo nền móng xây dựng cơ sở lý luận cho ngành Biên phiên dịch học.

Mặt khác, Jang Jeong Yun (2011:69-77) đã chia giờ học thành Bước trước dịch (Pretranslating) → Bước trong dịch (Translating) → Bước sau dịch (Posttranslating) áp dụng mô hình “Học lý luận biên dịch → Thực hành biên dịch → Phân tích và đánh giá so sánh kết quả biên dịch của sinh viên và bản dịch mẫu → Chỉnh sửa”.

Trên cơ sở lý luận đã khảo sát, chúng tôi sẽ phân bố thời gian của một buổi dạy *Môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn* thành ba giai đoạn: Bước trước dịch, Bước trong dịch và Bước sau dịch; và kết hợp ứng dụng quy tắc dịch thuật của Nida nhằm hướng dẫn sinh viên thực hành biên dịch văn bản truyền hình một cách hiệu quả.

3. Nội dung giảng dạy được lựa chọn

Biên dịch có thể được chia thành bốn lĩnh vực lớn: văn học, văn bản chuyên ngành, báo chí và văn bản khác. Văn bản khác bao gồm brochure, pamphlet và gần đây là biên dịch clip được nhiều người quan tâm.

Môn Thực hành dịch Việt - Hàn ở Trường ĐH BRVT có thời lượng đào tạo là 03 tín chỉ, tương ứng với 45 tiết, mỗi tiết 45 phút. Môn học được giảng dạy với giáo trình bắt buộc là sách *Luyện tập nâng cao năng lực dịch Hàn - Việt, Việt - Hàn*. Nội dung văn bản biên dịch *Việt - Hàn* cụ thể như sau:

Bảng 2: Nội dung biên dịch Việt - Hàn (2015)

Bài	Nội dung
1	Địa lý Việt Nam
2	Dân tộc - ngôn ngữ Việt Nam
3	Áo dài Việt Nam

4	Giới thiệu văn hóa phong tục Việt
5	Đám cưới Việt Nam ngày nay
6	Thành phố Hà Nội
7	Các điểm du lịch Việt Nam
8	Khai mạc đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội
9	Cố đô Huế
10	Phở
11	Phát triển kinh tế Việt Nam
12	Ùn tắc giao thông ở TP HCM là vấn đề của cả nước
13	WB tăng cường chiến lược tài trợ cho giáo dục
14	Anh ta có tất cả, trừ...
15	Chúng ta phải làm gì để ngăn chặn ô nhiễm môi trường

Sau thời gian 04 năm thực hiện giảng dạy, tác giả nhận thấy, mặc dù giáo trình này có ưu điểm thống nhất và đồng bộ nhưng tồn tại điểm hạn chế là nội dung không cập nhật, mới mẻ, đa dạng phù hợp với sự năng động trong thời đại kỹ thuật số. Trong khi đó, hiện nay các chương trình truyền hình Việt Nam rất phát triển với nhiều chương trình đa dạng, hấp dẫn không thua kém các sản phẩm văn hóa nghe nhìn của Hàn Quốc và được đón nhận rộng rãi. Những chương trình thực tế hay tạp kỹ Việt Nam hiện nay có sự tham dự của rất nhiều diễn viên nổi tiếng nên càng thu hút nhiều người xem, đặc biệt là đối tượng học sinh, sinh viên. Do vậy, nó đủ để tạo hứng thú nhất cho người học khi học *Môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn* so với các tài liệu khác khi là nguồn tài liệu vừa có văn bản viết vừa có thể cảm thụ bằng hình ảnh và âm thanh. Theo đó, chúng tôi hy vọng rằng, mong mỗi muốn xem các chương trình truyền hình trong nước của sinh viên Việt Nam cuối cùng sẽ tạo được động cơ học *Môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn* và mang lại hiệu quả học tập cao hơn.

Chương trình truyền hình Việt Nam rất đa dạng, vì thế, trong giới hạn thời gian giảng dạy 45 tiết của môn học, chúng tôi lựa chọn những thể loại mà sinh viên ĐH BRVT thích nhất theo kết quả khảo sát nội bộ để ứng dụng vào giảng dạy *Môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn*.

Bảng 3: Nội dung giảng dạy môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn

Tuần	Nội dung giờ học	Phương pháp	Ghi chú
Tuần 1	Giới thiệu chương trình: Khái quát môn học và phương pháp học	Giảng	
Tuần 2	Khái quát phương pháp biên dịch clip	Giảng và phát biểu	PPT
Tuần 3	Thực hành biên dịch clip (1): quảng cáo	Phát biểu và thảo luận	PPT
Tuần 4	Thực hành biên dịch clip (2): chương trình âm nhạc	Phát biểu và thảo luận	PPT
Tuần 5	Thực hành biên dịch clip (3): phim truyền hình	Phát biểu và thảo luận	PPT
Tuần 6	Thực hành biên dịch clip (4): chương trình trẻ em	Phát biểu và thảo luận	PPT
Tuần 7	Thực hành biên dịch clip (5): chương trình giáo dục sức khỏe	Phát biểu và thảo luận	PPT
Tuần 8	Thi giữa kỳ	Phát biểu và thảo luận	PPT
Tuần 9	Thực hành biên dịch clip (6): chương trình tạp kỹ tổng hợp	Phát biểu và thảo luận	PPT
Tuần 10	Thực hành biên dịch clip (7): chương trình ẩm thực	Phát biểu và thảo luận	PPT
Tuần 11	Thực hành biên dịch clip (8): phim hoạt hình	Phát biểu và thảo luận	PPT
Tuần 12	Thực hành biên dịch clip (9): chương trình thực tế	Phát biểu và thảo luận	PPT
Tuần 13	Thực hành biên dịch clip (10): chương trình phỏng vấn người nổi	Phát biểu và thảo luận	PPT

	tiếng		
Tuần 14	Thực hành biên dịch clip (11): chương trình phỏng vấn người nổi tiếng	Phát biểu và thảo luận	PPT
Tuần 15	Thực hành biên dịch clip (12): chương trình phỏng vấn người nổi tiếng	Phát biểu và thảo luận	PPT

4. Mô hình phương án giảng dạy tuần 13 (chương trình phỏng vấn người nổi tiếng: ca sĩ Sơn Tùng)

Theo khung kế hoạch giảng dạy tại bảng 3, chúng tôi tiến hành xây dựng kế hoạch giảng dạy cho từng tuần với mỗi thể loại truyền hình khác nhau. Mỗi trích đoạn được lập kế hoạch sẽ giảng dạy trong 01 buổi của một tuần, mỗi buổi 03 tiết, mỗi tiết 45 phút. Ở mỗi buổi của một tuần, chúng tôi dự định tiến hành Bước trước dịch, Bước trong dịch và Bước sau dịch.

Bảng 4: Phương án giảng dạy ứng dụng lời thoại
chương trình phỏng vấn ca sĩ Sơn Tùng

Ngày	Đối tượng	Sinh viên học môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn	Giảng viên	Nguyễn Thị Thu Hà	
Môn	Thực hành biên dịch Việt - Hàn	Nội dung	Thực hành biên dịch clip		
Chủ đề bài	Thực hành biên dịch clip (10): chương trình phỏng vấn người nổi tiếng	Giáo trình	Không có	Tuần	13
Mục tiêu học tập	Thích ứng với biên dịch clip thực tế Luyện tập mẫu biểu hiện ngôn ngữ mục tiêu một cách tự nhiên				
Tài liệu	Máy tính, màn chiếu, máy chiếu				
Cách học	Phát biểu và phản biện				
Bước triển	Hoạt động				

khai	Giảng viên	Sinh viên
Bước trước dịch (pre-translating)	Mở clip chương trình phỏng vấn người nổi tiếng trên truyền hình (theo kế hoạch giảng dạy)	Nghe và xem
	Yêu cầu sinh viên phát biểu những gì mình xem và nghe được	Phát biểu
	Cung cấp cho sinh viên từ vựng và mẫu câu xuất hiện trong clip	Nhắm bắt từ vựng và mẫu câu liên quan
	Phát kịch bản cho sinh viên và yêu cầu sinh viên cùng thảo luận phân tích văn bản	Thảo luận, phân tích văn bản
	Tổng hợp và cung cấp từ vựng và mẫu diễn đạt	Ghi chép lại
	Từ vựng: Lời chào đặc biệt: 특별한 인사말씀 Lắm nhảm: 흥얼거리다 Cảm hứng: 감흥 Dám làm: 해내는 의지 Dám chinh phục: 정복하는 의지 Người có tầm ảnh hưởng rất lớn: 큰 영향을 미치는 분/사람 Sáng tạo đặc biệt: 남다른 창조성 Tối giản: 미니멀하다	Từ vựng: Lời chào đặc biệt: 특별한 인사말씀 Lắm nhảm: 흥얼거리다 Cảm hứng: 감흥 Dám làm: 해내는 의지 Dám chinh phục: 정복하는 의지 Người có tầm ảnh hưởng rất lớn: 큰 영향을 미치는 분/사람 Sáng tạo đặc biệt: 남다른 창조성 Tối giản: 미니멀하다
	Mẫu diễn đạt: Lời đầu tiên cho phép ...	Mẫu diễn đạt: Lời đầu tiên cho phép ... gửi

	<p>gửi một lời chào trân trọng nhất: 인사말씀을 드립니다</p> <p>Nếu mà chị/anh hỏi ... thì: ...(이)라면</p> <p>Đối với thứ đầu tiên là sản phẩm âm nhạc: 첫째, 작품에 대해 말씀드리면</p> <p>Có những lý do của nó: 저마다의 이유가 다 있다</p> <p>Đâu là lý do khiến em quyết định đồng hành với: 와/과 동행을 결정한 이유가 뭔지 알 수 있을까요?</p>	<p>một lời chào trân trọng nhất: 인사말씀을 드립니다</p> <p>Nếu mà chị/anh hỏi ... thì: ...(이)라면</p> <p>Đối với thứ đầu tiên là sản phẩm âm nhạc: 첫째, 작품에 대해 말씀드리면</p> <p>Có những lý do của nó: 저마다의 이유가 다 있다</p> <p>Đâu là lý do khiến em quyết định đồng hành với: 와/과 동행을 결정한 이유가 뭔지 알 수 있을까요?</p>
	<p>Yêu cầu sinh viên tìm phương án dịch phù hợp với từ vựng và mẫu diễn đạt trên và phát biểu kết quả</p>	<p>Tìm phương án dịch và phát biểu kết quả</p>
<p>Bước trong dịch (translating)</p>	<p>Yêu cầu sinh viên thực hành biên dịch cá nhân</p>	<p>Thực hành biên dịch cá nhân</p>
<p>Bước sau dịch (post-translating)</p>	<p>Yêu cầu sinh viên lập nhóm và trao đổi kết quả biên dịch với thành viên nhóm, tự sửa chữa</p>	<p>Lập nhóm và trao đổi kết quả biên dịch, tự sửa chữa</p>
	<p>Chiếu PPT văn bản dịch mẫu và yêu phân tích so sánh</p> <p>Tổng hợp ý kiến và yêu cầu sinh viên tự sửa bản dịch</p>	<p>Đọc và so sánh với bản dịch cá nhân, phát biểu ý kiến (nếu có)</p> <p>Tự sửa bản dịch</p>

5. Kết luận

Nghiên cứu này đã lập danh sách các trích đoạn lời thoại truyền hình Việt Nam để giảng dạy môn *Thực hành biên dịch Việt - Hàn* dành cho đối tượng sinh viên năm ba ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, Trường ĐH BRVT. Theo danh sách được lựa chọn, chúng tôi đã đưa ra phương án giảng dạy phù hợp ứng dụng ba bước cơ bản theo cơ sở lý thuyết dịch của Nida khi triển khai lớp học dịch cho sinh viên. Việc ứng dụng văn bản truyền hình vào giảng dạy *Môn Thực hành biên dịch Việt - Hàn* sẽ tạo hứng phấn cho người học vì kết hợp được phương tiện nghe nhìn hấp dẫn, bắt mắt nhằm khắc phục điểm hạn chế của môn Biên dịch cứng nhắc. Chúng tôi cho rằng khởi động thú vị này sẽ tạo đà giúp sinh viên hứng thú với môn học và tạo nên một bản dịch có chất lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hu Jing (2013). *Nghiên cứu phương án giảng dạy nói tiếng Hàn ứng dụng phân cảnh truyền hình: đối tượng người Trung Quốc học tiếng Hàn ở trình độ Trung Cấp*. (Luận văn thạc sỹ), Trường Đại học Yeungnam, Hàn Quốc. [후짱(2013), 『드라마 장면을 활용한 한국어 말하기 교육 방안 연구: 초급 중국인 학습자를 대상으로』, (석사논문), 영남대학교 대학원].
2. Jang Jeong Yun (2011). *Khảo sát đề thiết kế mô hình giảng dạy biên dịch: đối tượng là người học tiếng Hàn trình độ trên cao cấp*. (Luận văn thạc sỹ), Trường đại học Korea, Hàn Quốc, chuyên ngành giáo dục tiếng Hàn. [장정윤(2011), 『번역 교육 모형설계를 위한 考察: 고급수준이상의 한국어 학습자를 대상으로』, 석사학위논문, 고려대학교 교육대학원 : 한국어교육전공].

3. Jeong Hye Yeon (2015). Dạy biên dịch như một ngôn ngữ nước ngoài cho sinh viên – báo cáo học tập tổng hợp lấy quá trình làm trọng tâm. *Tạp chí biên phiên dịch học*, số 19 (2), tr. 45-65. [정혜연(2015), 「학부생을 위한 외국어로의 번역교육: 과정 중심의 협동학습 보고」, 『통번역학연구』, 19(2): 45-65].
4. Jo Dong Ju (2018). *Phương hướng dạy từ vựng tiếng Hàn ứng dụng phim truyền hình: mẫu biểu hiện, từ lóng, từ mới xuất hiện*. (Luận văn thạc sỹ), Trường Đại học Inha, Hàn Quốc. [조동주(2018), 「드라마를 활용한 한국어 어휘 교육 방향: 관용표현, 신조어, 속어를 중심으로」, 석사논문, 인하대학교 교육대학원].
5. Kim Jong Hee (2010). *Nghiên cứu về thiết kế lớp học biên dịch Nhật – Hàn ở trường Đại học*. (Luận án tiến sỹ), Trường ĐH. Ngoại ngữ Busan, Hàn Quốc. [김종희(2010), 「학부과정 한일통번역 수업설계에 관한 연구」, 박사논문, 부산외국어대학교 대학원].
6. Kim Yun Seon (2011). *Nghiên cứu phương án giảng dạy nghe – nói tiếng Hàn ứng dụng phim truyền hình: dành cho đối tượng người học có trình độ trung cấp*. (Luận văn thạc sỹ), Trường đại học Seonmun, Hàn Quốc. [김윤선(2011), 「드라마를 활용한 한국어 듣기-말하기 교육 방안 연구: 중급학습자를 대상으로」, 석사논문, 선문대학교 교육대학원].
7. Lê Đăng Hoan (2010). Tình hình giảng dạy biên, phiên dịch tiếng Hàn và thực tế biên dịch tác phẩm văn học Hàn Quốc tại Việt Nam, *Tạp chí văn hóa kỹ thuật Hàn Quốc*, 9(0), tr. 157-171. [Dr. Le Dang Hoan. 2010. 베트남 한국어 통,번역 교육현황과 한국 문학 작품번역 실제. 한국문화기술, 9(0) : 157-171]
8. Lim Hyeong Jae, Song Eun Jeong (2015). Nghiên cứu giảng dạy tiếng Hàn mục đích biên phiên dịch cho người nước ngoài – Tập trung vào tình hình và nội dung giảng dạy tiếng Hàn của người nói tiếng Trung. *Tạp chí Giáo dục tiếng Hàn như một ngoại ngữ*, số 42, 2015) (임재형, 송은정(2015). 외국인을 위한 통번역 목적 한국어 교육연구 -

중국어 화자의 한국어 통번역 교육현황과 교육내용을 중심으로,
외국어로서의 한국어교육, 제42호)

9. Nghiêm Thị Thu Hương, Lee Gye Seon (2015). Luyện tập nâng cao năng lực dịch Hàn – Việt, Việt – Hàn, Nxb. Munyerim.
10. Wang Il Boem (2017). Nghiên cứu phương án giảng dạy môn nói tiếng Hàn ứng dụng phim truyền hình – đối tượng là người học trình độ sơ cấp. (Luận văn thạc sĩ), Trường đại học Sangmyung, Hàn Quốc. [왕일범(2017). 『드라마를 활용한 한국어 말하기 교육 방안 연구: 초급 학습자를 대상으로』, 석사논문, 상명대학교 일반대학원].
11. Yang Sa (2016). Nghiên cứu phương án giảng dạy môn nói tiếng Hàn ứng dụng phim truyền hình - đối tượng là người học trình độ trung cấp, luận văn thạc sĩ trường đại học Sangmyung, Hàn Quốc. [양사(2016). 『드라마를 활용한 한국어 말하기 교육방안 - 중급 학습자를 중심으로』, 석사논문, 상명대학교 교육대학원].

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Nội dung văn bản tuần 13

(chương trình phỏng vấn người nổi tiếng: ca sĩ Sơn Tùng)³

Sơn Tùng: Lời đầu tiên cho phép Tùng gửi một lời chào trân trọng nhất đến tất cả mọi người đang có mặt trong buổi chiều ngày hôm nay, và một lời chào đến những người bạn mới đến từ Miniso. Cảm ơn mọi người rất nhiều đã dành thời gian đến đây. Một lời chào đặc biệt của Sơn Tùng dành cho mọi người, xin chào tất cả mọi người.

Thu Hương: Sơn Tùng thân mến, thực sự là chị vô cùng ngưỡng mộ em bởi vì là mỗi một cái MV của em ra đời á, thì làm cho tất cả giới trẻ, ngay cả con chị nữa cũng lầm nhảm những bài hát của em. Em có thể bật mí cái bí quyết nào khiến cho quá nhiều người ngưỡng mộ em từ lớn cho đến trẻ nhỏ được không? Em có thể chia sẻ bí quyết với chị với.

Sơn Tùng: Nếu mà chị hỏi bí quyết thì thực sự em không có bí quyết nào cả. Nhưng mà đối với em thì em nghĩ rằng là một người đến với khán giả thì thông qua hai thứ. Thứ nhất là sản phẩm của họ và thứ hai là con người của họ. Đối với thứ đầu tiên là sản phẩm âm nhạc thì em luôn cố gắng làm sao mà những sản phẩm sau thì nó phải chất lượng và tốt hơn những sản phẩm trước. Và đối với tất cả các nghệ sĩ, không phải riêng em mà đối với tất cả các nghệ sĩ đều phải biết rằng chúng ta đều có những người yêu thích mình, hâm mộ mình và họ sẽ bị ảnh hưởng phần nào đó cách sống và cách làm việc của chúng ta. Thế nên là em luôn nhắc nhở bản thân mình rằng: Ày, cậu phải làm một người tốt, đó. Và trong tương lai em muốn tạo ra nhiều hơn những sản phẩm cộng đồng, để làm sao mà đưa thật nhiều cảm hứng, đưa những sự dám làm, dám chinh phục, dám ước mơ đến tất cả các bạn trẻ. Đó là điều mà em vô cùng mong muốn.

Thu Hương: Rất tuyệt vời khi nghe những lời mà em chia sẻ vì em đang là người có tầm ảnh hưởng rất lớn đến giới trẻ. Và khi mà em tự nói rằng: Hey, hãy trở thành người tốt thì đó chính là lời nhắc nhở rất là nhiều các bạn trẻ khác là hãy trở thành người tốt, và đó là những gì mà Việt Nam đang muốn

³ Nguồn: <https://www.youtube.com/watch?v=T0LaPVFYIDQ>.

có, và Việt Nam đang cần hơn nữa những nghệ sĩ giống như em, những người dám chinh phục và theo đuổi những ước mơ của mình. Và chị cũng biết em là một trong những nghệ sĩ rất khó tính, một nghệ sĩ nổi tiếng khó tính và cá tính. Chị theo dõi rất là nhiều những bài báo viết về em này, những câu chuyện của em ở trên báo chí, chị thấy rằng khi mà em lựa chọn để đến với bất cứ một sản phẩm nào thì đều có những lý do của nó, thì đâu là lý do khiến em quyết định đồng hành với Miniso?

Son Tùng: Em là một nghệ sĩ trẻ, thế cho nên là em rất thích sự sáng tạo, rất thích thời trang với một phong cách làm sao mà đặc biệt nhưng bạn vẫn luôn giữ lại cho bạn một sự khác biệt đến từ chính con người của bạn. Và với Miniso thì em nhìn thấy một sự đồng điệu, đồng điệu trong xu hướng thiết kế những sản phẩm tiêu dùng và đặc biệt thời trang của Miniso thì rất là tối giản, lại rất là hợp thời...đó...và tính ứng dụng vô cùng cao, và em nghĩ rằng đó là một trong những lý do chính khiến em muốn đồng hành cùng với Miniso.

Phụ lục 2: Bản dịch mẫu văn bản dịch tuần 13
(chương trình phỏng vấn người nổi tiếng: ca sĩ Sơn Tùng)⁴

선동: 우선 오늘 오후에 참석하는 모든 귀빈 여러분 인사말씀을 드립니다. 그리고 미니소에서 오신 여러분들에게도 인사말씀을 드립니다. 귀한 시간을 내어 참석해주신 모든 분들께 정말 감사합니다. 모든 귀빈 여러분께 특별한 인사말씀을 드립니다, 안녕하세요?

투호영: 선동씨, 정말로 저는 선동씨를 존경합니다. 왜냐하면 선동씨의 뮤직비디오가 나올 때마다 제 자녀들 뿐 아니라 청소년들 모두가 선동씨의 노래가사를 흥얼거립니다. 남녀노소가 모두 선동씨를 좋아하는 비결을 밝힐 수 있을까요? 저한테 알려주세요!

선동: 비결이라면 정말로 비결이라는 것이 없습니다. 그렇지만 제 생각에는 가수로서는 청중에게 다가가는 방법은 두 가지입니다. 첫째는 가수의 작품, 그리고 둘째는 (가수의) (사람 자체)사람됨입니다. 첫째, 작품에 대해 말씀드리면, 저는 항상 이전 작품보다 더 나은 다음 작품을 위해 노력합니다. 모든 아티스트들, 저 뿐만 아니라 모든 아티스트들 말이죠, 저희는 저희를 좋아하는 사람들, 애호하는 사람들이 저희들의 생활방식 및 일을 하는 방식으로부터 영향을 받는다는 것을 알아야 합니다. 그래서 저는 늘 “야, 좋은 사람이 돼야 해.”라고 스스로 마음에 새깁니다. 앞으로 저는 공동을 위한 작품을 많이 만들어내고 싶습니다, 청소년들에게 감동을 주고, 해내는 의지, 정복하는 의지, 꿈을 꿀 수 있는 의지를 주기 위해서요. 그것이 제가 원하는 것이에요.

투호영: 선동씨는 청소년들에게 큰 영향을 미치는 사람인데 이렇게 좋은 말씀 나눠 주셔서 정말 좋습니다. 스스로에게 “야, 좋은 사람이 되라”라고 하신 말씀이 모든 청소년들에게 좋은 사람이 되라고 격려해주는 것 같습니다. 이것은 베트남이 원하는 것이지요. 그리고 베트남에서는 자신의 꿈을 이루기위해 정복하는 의지를 가진 사람,

⁴ Bản dịch này được dịch bởi Nguyễn Thị Thu Hà.

바로 선똥씨와 같은 아티스트들을 더욱 원합니다. 그리고 저는 선똥씨가 까다롭고 남다른 개성을 가진 아티스트이라는 걸 알고 있습니다. 저는 선똥씨에 대한 기사 이야기를 많이 읽었는데 어떤 상품을 선택할 때는 저마다의 이유가 다 있는데 미니소와 동행을 결정한 이유가 뭔지 알 수 있을까요?

선똥: 저는 젊은 아티스트인데요, 저는 남다른 창조성과 패션을 좋아하면서도 자신만이 가진 특별함을 유지하는 것을 좋아합니다. 미니소와 함께, 저는 생활용품 디자인의 조화, 어울림을 찾았습니다. 그리고 미니소의 패션의 특별한 점은 미니멀하면서 시대성을 가지고, 실용적이라는 것인데 이것이 이게 제가 미니소와 동행을 원한 이유 중의 하나라고 생각합니다.